

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 20/2025/HNGĐ -ST

Ngày : 21 – 02 – 2025

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Tiến Sĩ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Đoàn Thị Bầy

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 622/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Bùi Thị N; Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Ấp Hòa Nam, xã A, thành phố B, tỉnh C . Xin vắng mặt.

Bị đơn : Ông Nguyễn Văn H; Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Ấp Hòa Nam, xã A, thành phố B, tỉnh C.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện bà Bùi Thị N trình bày :

Về hôn nhân: bà và ông H kết hôn với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố B, tỉnh C. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với ông H

Về con chung: có 03 người con chung tên là Nguyễn Thúy H, sinh ngày 13/4/2009, Nguyễn Tường V, sinh ngày 25/12/2012, Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 28/11/2019 hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Nguyễn Văn Hoàng cấp dưỡng 1.000.000 mỗi con.

Về tài sản chung và nợ chung : bà N khai không có.

Đối với ông H Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :

[1] Về thủ tục tố tụng: bà N xin được xét xử vắng mặt và ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn. Bà N và ông H kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố B, tỉnh C, hôn nhân có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án bà Niềm cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp, cuộc sống không hạnh phúc, vì vậy bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

[3] Xét thấy hôn nhân giữa bà Niềm và ông H có nhiều mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: có 03 người con chung tên là Nguyễn Thúy H, sinh ngày 13/4/2009; Nguyễn Tường V, sinh ngày 25/12/2012; Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 28/11/2019 hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng 1.000.000 mỗi con.

Xét thấy hiện các con đang sống chung với bà N và nguyện vọng của cháu Huỳnh và cháu V được sống với mẹ khi bà N và ông H ly hôn, do đó để tránh tình trạng xáo trộn cuộc sống của các cháu và quá trình giải quyết vụ án ông H cũng không có ý kiến gì về con, vì vậy tiếp tục giao các con cho bà N nuôi là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con : bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của bà N hiện thấp hơn theo quy định của pháp luật, tuy nhiên đây là sự tự định đoạt của đương sự, vì vậy yêu cầu của bà N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: bà N khai không có.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình : bà N và ông H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 13/4/2009; Nguyễn Tường V, sinh ngày 25/12/2012 và Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 28/11/2019 cho bà N nuôi. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con : ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 13/4/2009, Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 25/12/2012 và Nguyễn Phúc Khang, sinh ngày 28/11/2019 mỗi người 1.000.000đ/tháng (

1.000.000đ x 3 người = 3.000.000đ/tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày bà Bùi Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung và nợ chung : bà N khai không có.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N phải chịu 300.000đ, ngày 18/11/2024 bà N đã dự nộp 300.000đ theo lai số 0009715 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được giữ y sung Ngân sách nhà nước. Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đ (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Thành, Tp Cà Mau;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Tiến Sĩ

